TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU -TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2025/HS-ST
Ngày: 26-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Hải –** Ông **Nguyễn Xuân Tùng.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Vĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 174/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Dương Thị H - Sinh ngày: 11/11/1972 tại TP Hà Nội; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: K Q, phường T, quận H, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Minh C (sinh năm 1948) và bà Nguyễn Thị G (sinh năm 1947, chết); Chồng: Không và 03 con (lớn nhất sinh năm 1990; nhỏ nhất sinh năm 2000).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1981; trú tại: Số D, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đỗ Thị Xuân M – sinh năm 1960; trú tại: Số D, phường P, quận H, TP Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Anh T – sinh năm 1956; trú tại: Số D, phường P, quận H, TP Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ông Võ Như T1 – sinh năm 1979; trú tại: Khối phố Q, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Đặng S – sinh năm: 1979; trú tại: Số A, tổ B, phường H, quận N, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1988; trú tại: TDP G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Lê Văn Đ – sinh năm 1993; trú tại: P Tòa nhà E, chung cư N, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Mai Xuân T2 – sinh năm 1991; trú tại: Số A H, phường K, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị H1 – sinh năm 1955; trú tại: Số B N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua giới thiệu của Dương Thị H, ông Nguyễn Văn K (sinh năm: 1981; trú: quận H, TP Đà Nẵng) đã ký hợp đồng với bà Đỗ Thị Xuân M (sinh năm: 1960) và ông Hoàng Anh T (sinh năm: 1956); cùng trú: quận H, thành phố Hà Nội), thuê nhà hàng C1 tại Lô D khu B, phường H, quận H, TP Đà Nẵng, để kinh doanh dịch vụ nhà hàng, thời hạn thuê từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/9/2030, đã đặt cọc 1.000.000.000 đồng. Sau đó, ông K tháo dỡ phần mái của nhà hàng và mua thêm sắt trụ để cải tạo lại nhưng do điều kiện chưa thuận lợi nên đã dừng việc xây dựng và để sắt trên khu đất. Ông K có trao đổi với bà M là sẽ thanh lý hợp đồng trước thời hạn và thống nhất hai bên cùng tìm người thuê kế tiếp thế chân ông K để lấy lại số tiền đã đặt cọc trên.

Ngày 10/9/2023, bà M có nhờ Dương Thị H dẫn đại diện ngân hàng đến thẩm định lô đất trên để làm thủ tục vay vốn. H biết ông K có ý định thanh lý hợp đồng sớm và thấy có nhiều sắt để trong khuôn viên nhà hàng. Ngày 12/9/2023, H đã tự ý thuê ông Võ Như T1 (sinh ngày: 18/01/1979; HKTT: Khối phố Q, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) bán thanh lý số sắt thép trên. Ông T1 tưởng sắt của bà H nên đã liên hệ với ông Đặng S (sinh ngày: 11/01/1979; HKTT: quận N, TP Đà Nẵng) bán số sắt thép trên với giá 49.680.000 đồng. Ông S đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà H qua tài khoản số 2000201045422, Ngân hàng A, tên Dương Thị H.

Chiều cùng ngày, ông S chụp hình số sắt thép trên đăng lên mạng xã hội Zalo để rao bán thì anh Mai Xuân T2 (sinh năm: 1991; trú tại: quận C, TP Đà Nẵng) nhìn thấy bài đăng, nhận ra số sắt thép này là của ông K và thông báo cho ông K biết. Ông K liên lạc với bà H thông báo về việc bị mất số sắt trên, thì bà H liền điện thoại nhờ T1 mang số sắt trên bỏ lại vị trí cũ và bà H chuyển trả lại số tiền trên cho ông S vào chiều ngày 13/9/2023.

Đến 15h00’ ngày 14/9/2023, ông K trình báo Công an phường H, quận H.

Vật chứng thu giữ:

- Hợp đồng thuê nhà giữa bên thuê là Nguyễn Văn K, bên cho thuê là Hoàng Anh T và Đỗ Thị Xuân M.

- Văn bản thoả thuận chấm dứt Hợp đồng thuê nhà giữa bên thuê là Nguyễn Văn K, bên cho thuê là Hoàng Anh T và Đỗ Thị Xuân M.

- 03 bản ảnh của tài khoản Zalo Asang Bạn A T3 đăng hình ảnh những tài sản của ông K bị rao bán trên mạng.

- 01 Tập giấy A4, chứa nội dung tin nhắn Zalo giữa Dương Thị H và tên Zalo Chi M1 Ha Noi.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 1008539339979 của ông Đặng S mở tại Ngân hàng V.

- Sắt kèo chữ A có khối lượng 4.846 kg, trụ thép được gia công từ thép mạ kẽm có khối lượng 1.534 kg do Nguyễn Văn K giao nộp.

- Số tiền 44.423.282 đồng do Dương Thị H giao nộp.

Theo Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận H, kết luận: Số sắt kèo chữ A nêu trên có trị giá là 44.423.282 đồng, trụ thép có giá trị là 30.500.522 đồng. Tổng cộng là 74.923.804 đồng.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS, ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Dương Thị Hương về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Dương Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Dương Thị H đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo xác nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo thấy được hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, mong muốn HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Dương Thị H và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Dương Thị H trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 12/9/2023, tại nhà hàng C1 tại Lô D khu B, phường H, quận H, TP Đà Nẵng, Dương Thị H có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn K gồm: sắt kèo chữ A có khối lượng 4.846 kg, trụ thép được gia công từ thép mạ kẽm có khối lượng 1.534 kg. Theo Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì tài sản chiếm đoạt có tổng trị giá là 74.923.804 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Dương Thị H đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng số 03/CT-VKS, ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Dương Thị H có khả năng nhận thức được việc xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân nên đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, là một trong các quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ, gây bất bình, hoang mang, lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Dương Thị H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; bị cáo có nhiều đóng góp cho quỹ người nghèo và được B vận động quỹ "Vì người nghèo" phường H, quận C, TP Đà Nẵng tặng giấy khen; có cha được tặng thưởng huân chương bảo vệ tổ quốc; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét mức hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên HĐXX quyết định áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu tiên thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự; có nơi cư trú rõ ràng và đảm bảo các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15.5.2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15.4.2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15.5.2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Do đó, HĐXX quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: HĐXX xét thấy:

Ngày 29/10/2024, Cơ quan điều tra Công an quận H đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 2161/QĐ-CSHS trả lại cho ông Nguyễn Văn K: Sắt kèo chữ A có khối lượng 4.846 kg, trụ thép được gia công từ thép mạ kẽm có khối lượng 1.534 kg. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H xử lý như vậy là có căn cứ nên HĐXX không xem xét.

Đối với Hợp đồng thuê nhà giữa bên thuê là Nguyễn Văn K, bên cho thuê là Hoàng Anh T và Đỗ Thị Xuân M; Văn bản thoả thuận chấm dứt Hợp đồng thuê nhà giữa bên thuê là Nguyễn Văn K, bên cho thuê là Hoàng Anh T và Đỗ Thị Xuân M; 03 bản ảnh của tài khoản Zalo Asang Bạn A T3 đăng hình ảnh những tài sản của ông K bị rao bán trên mạng; 01 Tập giấy A4, chứa nội dung tin nhắn Zalo giữa Dương Thị H và tên Z; Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 1008539339979 của ông Đặng S mở tại Ngân hàng V là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đã được đánh bút lục nên HĐXX xét thấy cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, người bị hại là ông Nguyễn Văn K yêu cầu bị cáo Dương Thị H bồi thường 44.423.282 đồng tiền thiệt hại đối với số sắt bị chiếm đoạt và 1.000.000.000 đồng tiền thiệt hại về kinh tế do hành vi trộm cắp của bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn K không yêu cầu bồi thường 1.000.000.000 đồng tiền thiệt hại về kinh tế do hành vi trộm cắp của bị cáo H gây ra nên HĐXX không xem xét. Đối với thiệt hại do sắt kèo chữ A bị cắt, HĐXX xét thấy: Giữa ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị Xuân M, Hoàng Anh T ký kết hợp đồng thuê nhà ngày 22.9.2022 về việc thuê khu nhà hàng C1 tại Lô D khu B, phường H, quận H, TP Đà Nẵng, để kinh doanh dịch vụ nhà hàng, thời hạn thuê từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/9/2030, ông K đã đặt cọc 1.000.000.000 đồng. Sau đó, căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng, ông K tháo dỡ phần mái của nhà hàng (sắt kèo hình chữ A) để cải tạo lại. Hiện nay giữa ông K và ông T, bà M đã ký Văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà ngày 21.12.2023. Đối với thiệt hại do sắt kèo

chữ A bị cắt rời thì tại đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án ngày 21/02/2025 ông T, bà M không có ý kiến về việc ông K yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 44.423.282 đồng. Tại phiên tòa bị cáo H và anh K thống nhất số tiền bồi thường là 44.423.282 đồng. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

Hiện nay, bị cáo Dương Thị H đã nộp số tiền bồi thường thiệt hại 44.423.282 đồng tại Cơ quan CSĐT Công an quận H. Cơ quan CSĐT Công an quận H đã nộp số tiền này vào tài khoản Công an quận H để tạm giữ, tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với Võ Như T1 có hành vi chở sắt đi bán theo yêu cầu của H; Đặng S có hành vi mua sắt do Võ Như T1 chở đến bán. Tuy nhiên, T1 và S không biết đây là sắt do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H không xử lý là có căn cứ.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Dương Thị H** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Dương Thị H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26.02.2025.

Giao bị cáo Dương Thị H cho UBND phường T, quận H, TP Đà Nẵng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự, tuyên:

Buộc bị cáo Dương Thị H phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền là 44.423.282 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn hai trăm tám mươi hai đồng).

Ông Nguyễn Văn K được nhận số tiền 44.423.282 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn hai trăm tám mươi hai đồng) đang được tạm giữ tại tài khoản của Công an quận H theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu và Cơ quan CSĐT Công an quận H.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Dương Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND Q. Hải Châu;
- Công an Q. Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Trinh